

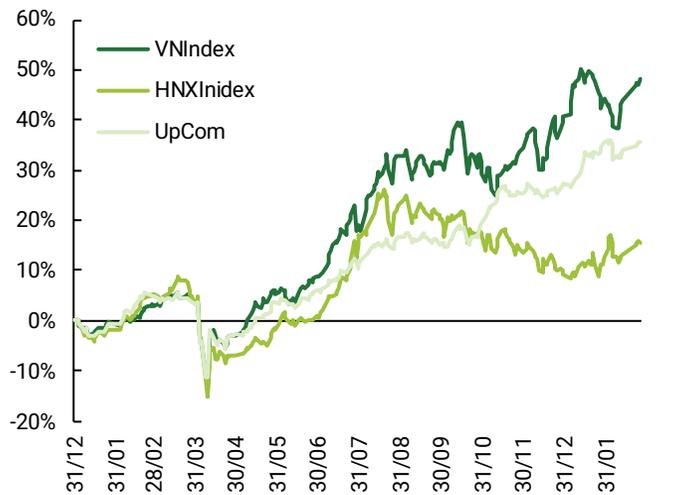
VN-Index **1879.64 (1.01%)**
 967 Tr. cổ phiếu 31853.5 Tỷ VND (-17.06%)

HNX-Index **262.33 (-0.34%)**
 59 Tr. cổ phiếu 1354.8 Tỷ VND (-29.69%)

UPCOM-Index **128.85 (0.10%)**
 42 Tr. cổ phiếu 738.7 Tỷ VND (-46.16%)

VN30F1M **2067.10 (1.01%)**
 220,660 HD OI: 34,991 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1879.6, tăng +18.7 điểm (+1.01%). Thanh khoản giảm với độ rộng nghiêng về bên bán. Sắc xanh ghi nhận ở VN30 trong khi HNXIndex giảm.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Chỉ số giữ sắc xanh nhờ lực kéo của nhóm Vingroup, Gelex, trong khi số mã giảm chiếm ưu thế. Dù vậy, thanh khoản thấp cho thấy cung bán chưa gây áp lực lớn.
 Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: HDG (+2.6%), VRE (+4.2%), VIC (+6.9%) | Ngân hàng: TCB (+1.3%), EIB (+1.3%), LPB (+2.0%) | Dịch vụ tài chính: VCI (+1.8%), EVF (+7.0%) | Dầu khí: PVD (+2.2%), BSR (+2.2%).
 Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Hóa chất: GVR (-3.3%), DGC (-3.2%), DCM (-1.8%) | Thực phẩm và đồ uống: FMC (-2.7%), VNM (-2.4%) | Tiện ích: GAS (-3.6%), POW (-1.4%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VTP (-1.9%), HAH (-1.8%)
 Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, GEE, BSR, TCB, VRE - Chiều giảm | GAS, GVR, VNM, BVH, MCH
 Khối ngoại Bán ròng gần 3000 tỷ, tập trung nhiều ở VNM, FPT, VHM, trong khi mua ròng: HPG, PNJ, VIC.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên tăng điểm nhưng số mã giảm lại chiếm ưu thế, nhóm trụ lớn đang trở lại vai trò nâng đỡ. Trạng thái dòng tiền mang tính luân chuyển, nghiêng về tâm lý chốt lời ngắn hạn và chưa quá tiêu cực. Số mã lấy lại xu hướng trung hạn (trên MA20 ngày) vẫn ổn định trên mức trung bình. Việc hạ nhiệt kiểm định lại xu hướng là phù hợp trong vận động của các cổ phiếu. Tuy nhiên, cần lưu ý nếu chỉ số đi lên nhưng nếu độ rộng thị trường tiếp tục thu hẹp, bức tranh phân hóa có thể trở lại chi phối và rủi ro điều chỉnh tiềm ẩn. VN-Index cũng đang tiếp cận kháng cự quanh vùng đỉnh cũ 1880 - 1900 điểm, sự thận trọng khả năng gia tăng. Hỗ trợ duy trì động lượng hiện quanh ngưỡng 1845 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số kết phiên với mẫu hình nến Hammer nhưng thanh khoản sụt giảm mạnh, chưa xác nhận cho lực cầu. Vận động khả năng tiếp tục rung lắc quanh khu vực 261 - 264. Mục tiêu kháng cự cao hơn quanh ngưỡng 270.
- **Chiến lược:** Chiều mua mới có thể cân nhắc khi thanh khoản và độ rộng thị trường tiếp tục cải thiện theo hướng lan tỏa. Tuy nhiên, chỉ số sẽ đi lên kèm rung lắc nhằm tái tạo đà, NĐT nên tận dụng tín hiệu điều chỉnh để tham gia sẽ tối ưu hơn. Các nhóm ngành nổi bật: Dầu khí, Phân bón, Tiện ích, Chứng khoán, Khu công nghiệp.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi TCB (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,879.6 ▲	1.01%	3.0%	1.9%	31,853.5 ▼	-17.1%	56.8%	-1.0%	966.6 ▼	-23.6%	56.6%	-13.3%
HNX-Index	262.3 ▼	-0.34%	2.1%	6.1%	1,354.8 ▼	-29.7%	29.5%	-32.4%	58.9 ▼	-28.1%	10.5%	-35.1%
UPCOM-Index	128.9 ➡	0.10%	1.2%	1.8%	738.7 ▼	-46.2%	14.9%	-49.3%	41.6 ▼	-53.1%	-4.4%	-32.2%
VN30	2,069.8 ➡	1.0%	2.5%	1.8%	20,473.5 ▼	-19.8%	73.7%	20.5%	450.6 ▼	-30.5%	65.4%	4.6%
VNMID	2,302.0 ➡	0.4%	2.6%	5.5%	8,820.9 ▼	-14.5%	28.3%	-24.9%	323.5 ▼	-18.0%	22.8%	-32.7%
VNSML	1,518.0 ▼	-0.07%	1.8%	3.1%	1,580.9 ➡	0.2%	79.9%	-22.1%	91.6 ▼	-1.4%	54.9%	-30.3%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	685.3 ➡	0.3%	1.88%	-1.0%	6,281.0 ▼	-38.50%	34.8%	-5.7%	230.2 ▼	-40.4%	31.2%	-5.6%
Bất động sản	803.1 ▲	4.1%	-1.0%	-5.0%	3,380.8 ▼	-13.8%	82.7%	5.1%	109.4 ▼	-15.6%	64.4%	3.6%
Dịch vụ tài chính	341.8 ➡	0.6%	3.5%	3.9%	3,005.1 ▼	-16.7%	29.8%	18.5%	118.1 ▼	-12.7%	32.5%	18.6%
Công nghiệp	280.4 ▲	2.6%	1.7%	-1.1%	1,838.6 ▲	10.8%	61.8%	63.6%	45.0 ▲	1.9%	51.8%	41.7%
Tài nguyên cơ bản	577.6 ➡	0.3%	8.2%	8.8%	1,868.0 ▼	-57.2%	7.4%	40.6%	71.7 ▼	-55.1%	9.0%	36.0%
Xây dựng - Vật Liệu	191.0 ▼	-0.6%	4.6%	8.7%	1,748.7 ▲	14.1%	94.5%	78.5%	66.4 ▲	3.0%	83.7%	49.4%
Thực phẩm	541.3 ▼	-0.8%	-3.9%	-15.0%	6,914.8 ▲	223.4%	590.2%	303.1%	112.4 ▲	160.9%	415.4%	202.1%
Bán Lẻ	1,732.1 ➡	0.7%	0.6%	9.6%	852.8 ▼	-29.2%	31.0%	-26.7%	12.1 ▼	-24.8%	33.1%	-20.0%
Công nghệ	486.6 ▲	1.4%	-6.8%	-11.0%	1,700.7 ▼	-61.4%	-10.2%	33.1%	20.5 ▼	-60.0%	-6.7%	39.0%
Hóa chất	211.7 ▼	-2.63%	12.7%	12.6%	1,030.2 ▼	-35.0%	11.3%	15.3%	26.2 ▼	-29.0%	16.7%	12.8%
Tiện ích	898.2 ▼	-2.2%	6.1%	7.4%	642.3 ▼	-19.0%	69.4%	-1.8%	20.1 ▼	-21.5%	73.8%	-4.2%
Dầu khí	131.2 ▲	1.27%	16.1%	28.6%	1,369.8 ▼	-15.5%	57.2%	17.0%	39.4 ▼	-10.6%	59.4%	10.5%
Dược phẩm	455.1 ➡	0.0%	0.5%	1.3%	61.4 ▲	20.4%	133.6%	41.6%	1.4 ▲	7.0%	99.6%	-3.5%
Bảo hiểm	128.2 ▼	-2.2%	11.0%	15.7%	66.7 ▼	-45.0%	16.5%	-26.3%	1.4 ▼	-36.5%	22.7%	-26.5%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,879.6 ▲	1.01%	5.3%	16.7x	2.3x
SET-Index	Thái Lan	1,534 ▲	1.16%	21.7%	16.5x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	8,235 ▼	-1.04%	-4.8%	20.8x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,769 ▼	-0.43%	3.8%	17.0x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,625 ▬	0.08%	9.5%	11.2x	1.4x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,147 ▼	-0.01%	4.5%	19.8x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,381 ▼	-1.44%	2.9%	13.6x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	58,753 ▬	0.29%	16.7%	23.1x	2.8x
S&P 500	Mỹ	6,946 ▬	0.81%	1.5%	27.1x	5.4x
Dow Jones	Mỹ	49,482 ▬	0.63%	3.0%	24.6x	6.0x
FTSE 100	Anh	10,825 ▬	0.18%	9.0%	16.5x	2.5x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,195 ▬	0.35%	7.0%	18.8x	2.6x
DXY		97.7 ▼	-0.11%	-0.6%		
USDVND		26,085 ▼	-0.09%	-0.8%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

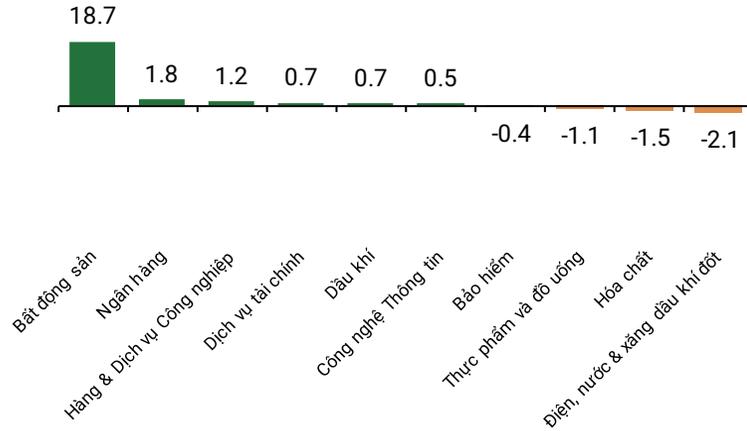
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-1.7%	6.2%	14.5%	-4.0%
Dầu WTI	▼	-1.7%	6.0%	12.0%	-6.3%
Khí gas	▼	-5.8%	-58.9%	-24.1%	-28.4%
Than cốc (*)	▬	0.0%	3.6%	0.0%	5.9%
Thép HRC (*)	▬	0.2%	-1.0%	-0.6%	-4.4%
PVC (*)	▼	-1.8%	-1.1%	3.2%	-4.8%
Phân Urea (*)	▬	0.0%	14.0%	19.0%	25.3%
Cao su thiên nhiên	▲	2.5%	10.4%	13.7%	1.1%
Bông Cotton	▬	1.0%	1.9%	-0.2%	-1.8%
Đường	▬	0.7%	-0.9%	-2.4%	-29.0%
World Container Index	▼	-1.1%	-14.2%	-14.2%	-32.1%
Baltic Dirty tanker Index	▲	2.3%	15.6%	42.9%	113.7%
Vàng	▬	0.6%	3.3%	19.8%	77.4%
Bạc	▬	0.1%	-15.9%	21.8%	173.9%

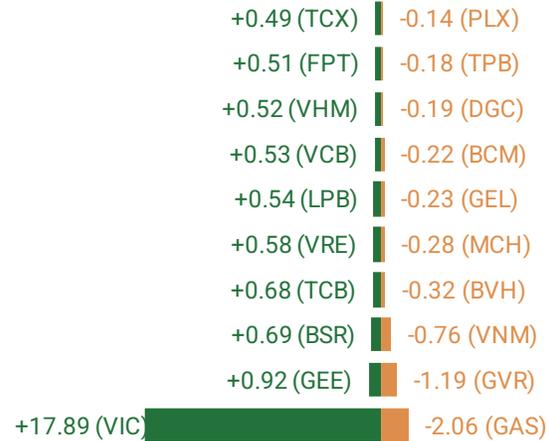
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

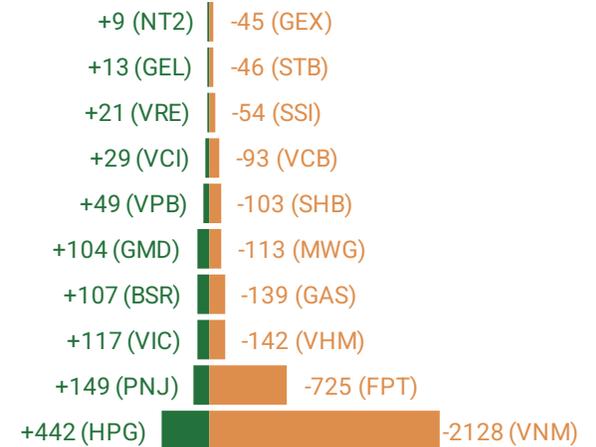
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



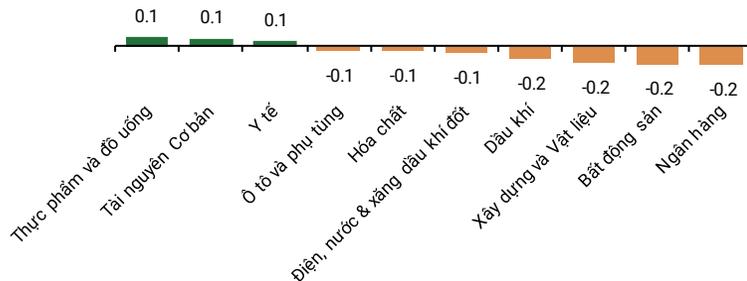
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



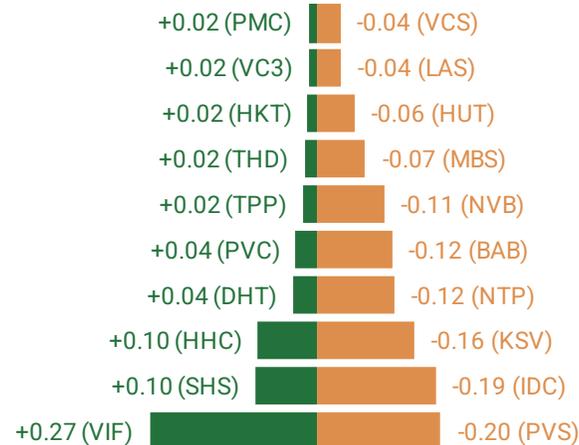
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



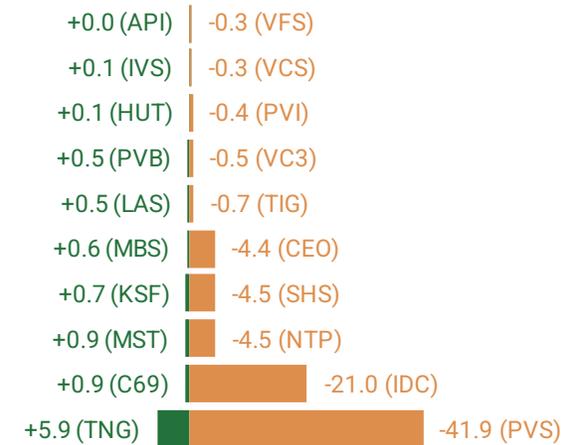
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



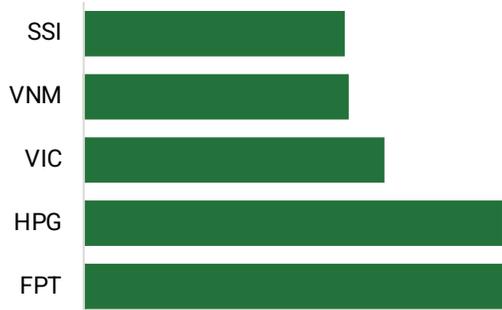
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



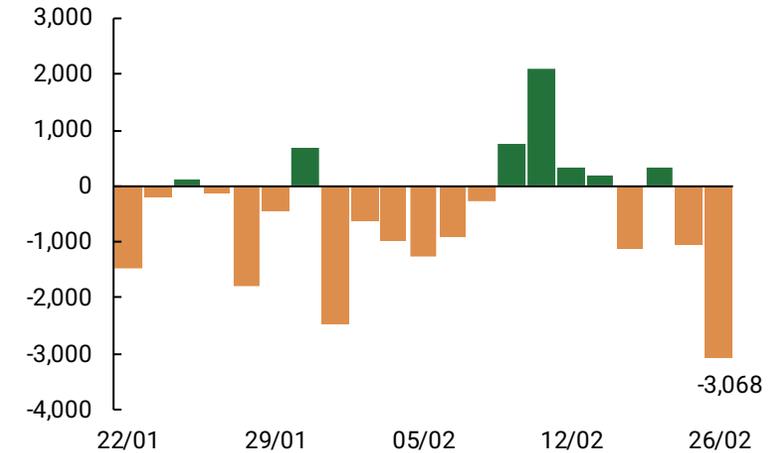
	FPT	HPG	VIC	VNM	SSI
%DoD	1.6%	0.3%	6.9%	-2.4%	0.8%
Giá trị	1,596	1,588	1,137	1,006	986

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VNM	SSB	STB	VPB	VND
%DoD	-2.4%	0.3%	0.4%	0.2%	-0.5%
Giá trị	4,927	340	156	142	102

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



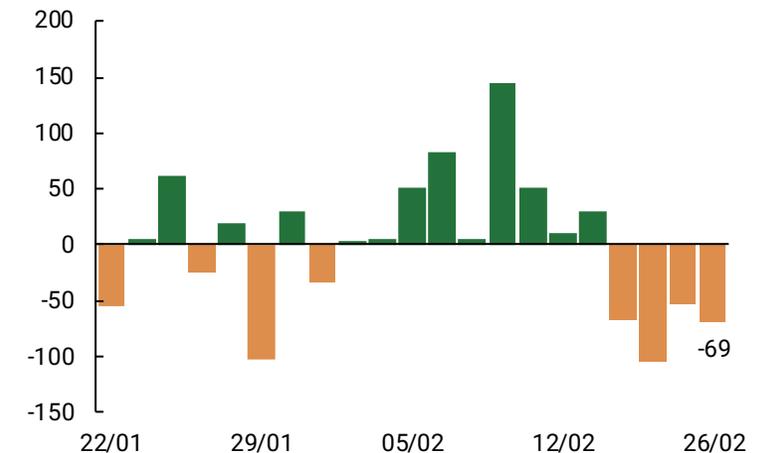
	PVS	IDC	SHS	CEO	MBS
%DoD	-1.5%	-1.8%	1.1%	-0.5%	-0.7%
Giá trị	346	140	134	121	108

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	HUT	PVS	MST	TTH
%DoD	1.1%	-0.6%	-1.5%	1.5%	4.0%
Giá trị	39	7	2	0	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến xanh thân lớn, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1800 - 1820.
- ✓ Kháng cự: 1880 - 1900.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định lại vùng đỉnh cũ.

Kịch bản: Chỉ số tăng điểm dựa vào lực kéo của các trụ lớn, trong khi thanh khoản và độ rộng thị trường thiếu đồng thuận. Vận động khả năng tiếp tục rung lắc khi tiếp cận vùng cản 1880 - 1900 điểm. Lưu ý nếu đà lan tỏa không cải thiện, rủi ro điều chỉnh sẽ hiện hữu. Hỗ trợ duy trì động lượng quanh ngưỡng 1845 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh thân lớn, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1980 - 2000.
- ✓ Kháng cự: 2080 - 2100.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định lại vùng đỉnh cũ.

➔ Chỉ số tiếp cận vùng cản với thanh khoản thấp, hàm ý lực cầu mua lên thận trọng. Đà tăng chủ yếu được dẫn dắt bởi nhóm Vingroup. Nếu mức lan tỏa không cải thiện, vận động có thể gặp khó khăn và cần rung lắc củng cố thêm đà. Hỗ trợ duy trì động lượng hiện quanh ngưỡng 2030 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	TCB	WATCH	Current price	36.45	P/E (x)	10.2
Exchange	HOSE		Watch zone	35.5 - 36	P/B (x)	1.5
Sector	Banks		Target price	40	EPS	3577.0
			Cut loss price	34	ROE	16.0%
				Stock Rating	BBB	
				Scale Market Cap	Large	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

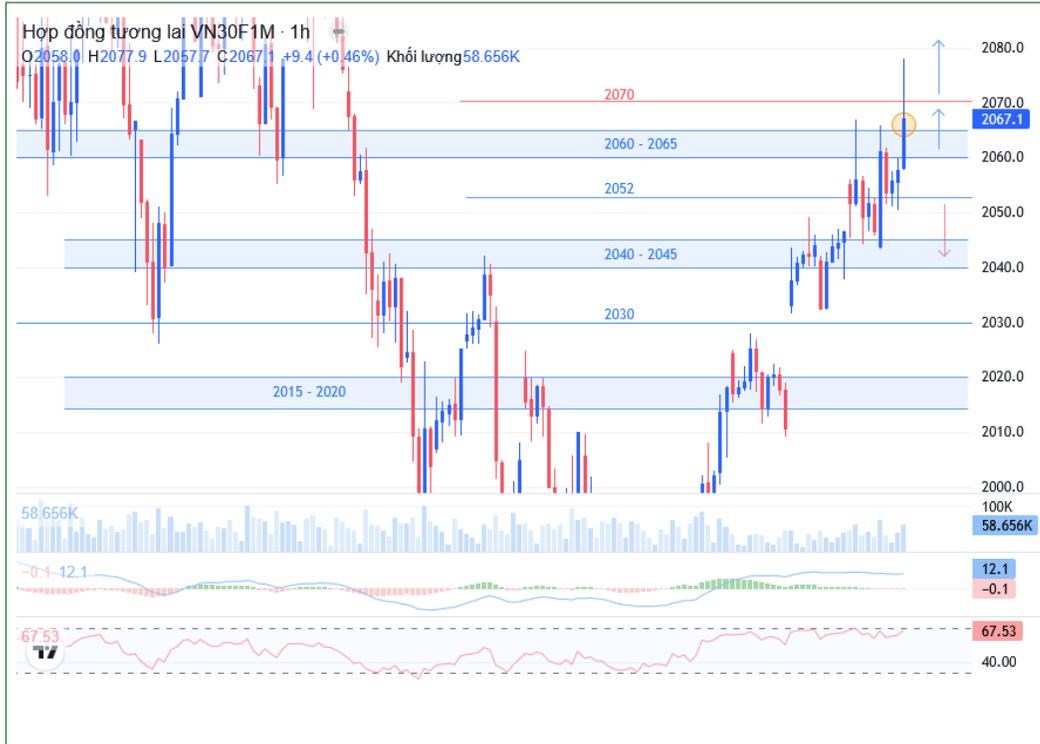
- Giá trở lại vận động trên MA20 ngày.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu, trong khi RSI cũng cải thiện lên trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Thanh khoản cải thiện cho thấy dòng tiền quay trở lại.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh đang yếu đi và khả năng quay lại quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, chú ý kiểm định vùng nền giá 35.5 - 36.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	TCB	Theo dõi	27/02/2026	36.45	35.5 – 36	-	40.0	11.7%	34	-5.0%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MSN	Mua	23/01/2026	-	80.40	79.4 – 79.9	0.9%	88.0	10.5%	75	-6.0%	
2	SAB	Mua	04/02/2026	-	49.10	51.5 – 52	-5.1%	58.0	12.1%	48.0	-7.2%	
3	SSI	Mua	24/02/2026	-	32.40	31.2 – 31.6	3.2%	35.0	11.5%	29.4	-6.4%	
4	DDV	Mua	24/02/2026	-	30.14	29.2 – 29.6	2.5%	33.5	13.9%	27.2	-7.5%	
5	HUT	Mua	25/02/2026	-	16.30	16.3 – 16.6	-0.9%	18.5	12.5%	15.4	-6.4%	
6	HAH	Mua	26/02/2026	-	61.40	61.5 – 62	-0.6%	70.0	13.4%	57.5	-6.9%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2067.1, tăng 20.6 (+1.0%). Giá giữ đà phục hồi tốt trong phiên, dù có hạ nhiệt một phần khi kết phiên.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, giá tạo bóng nến phía trên dài tại khu vực cản 2080 hàm ý lực cung chi phối mạnh. Bên cạnh chỉ báo MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng. Vị thế Long nên chờ khi giá hạ nhiệt kiểm định tốt khu vực 2060 – 2062, hoặc có thể cân nhắc khi giá vượt và củng cố được trên ngưỡng 2070. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2052
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1945.5, tăng 21.3 điểm (+1.1%). Độ lệch basis -7.2 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng mạnh, đạt 292 HĐ. Hỗ trợ gần hiện quanh khu vực 1935 - 1940 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1960 điểm.

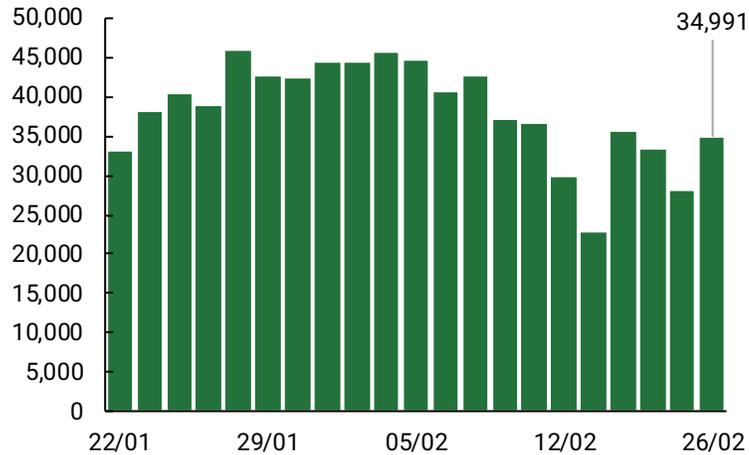
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 2070	2080	2062	10 : 08
Long	> 2060	2070	2052	10 : 08
Short	< 2052	2040	2060	12 : 08

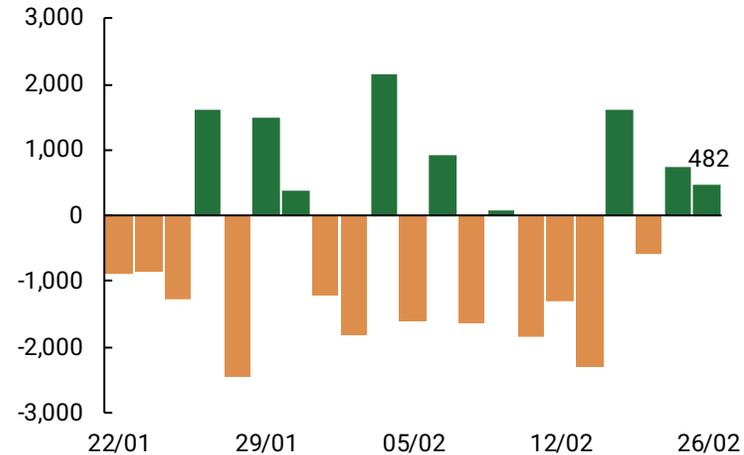
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	2,070.3	19.3	10	194	2,081.4	-11.1	17/09/2026	203
4111G6000	2,072.9	25.9	32	362	2,076.2	-3.3	18/06/2026	112
4111G4000	2,070.0	20.6	567	499	2,072.6	-2.6	16/04/2026	49
4111G3000	2,067.1	20.6	220,660	34,991	2,071.0	-3.9	19/03/2026	21
4112G3000	1,945.5	21.3	292	64	1,953.8	-8.3	19/03/2026	21

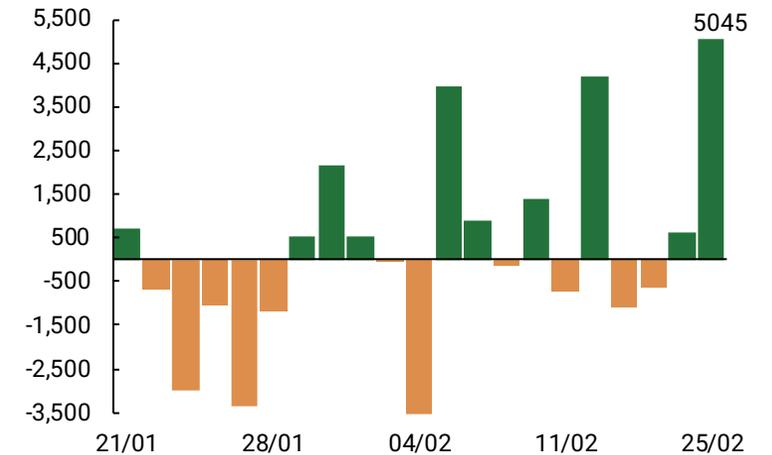
Khối lượng mở (Open interest)



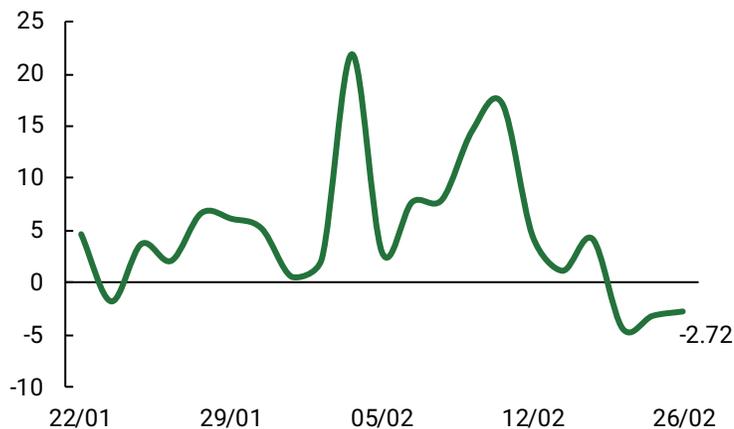
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



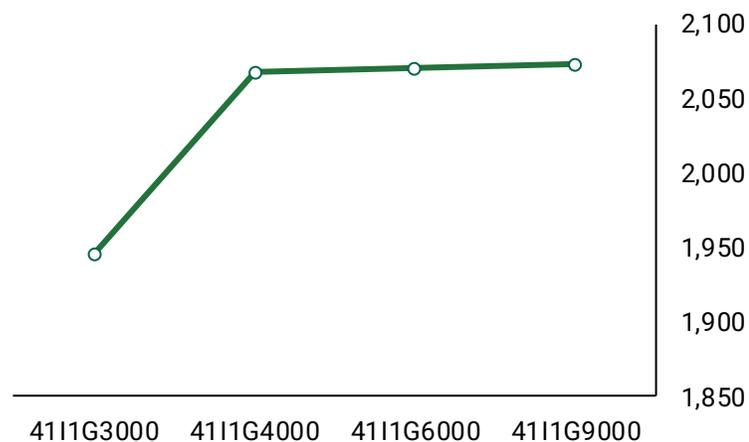
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



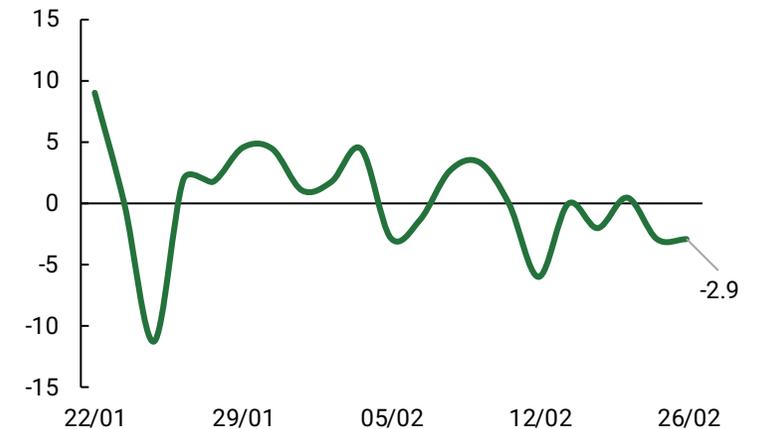
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	75,800	65,400	-13.7%	Bán
BCM	66,000	73,400	11.2%	Tăng tỷ trọng
CTG	38,500	45,200	17.4%	Tăng tỷ trọng
CTD	86,400	87,050	0.8%	Năm giữ
CTI	24,200	27,200	12.4%	Tăng tỷ trọng
DBD	54,300	68,000	25.2%	Mua
DDV	30,144	35,900	19.1%	Tăng tỷ trọng
DGC	73,600	99,300	34.9%	Mua
DGW	53,000	48,300	-8.9%	Giảm tỷ trọng
DPG	47,800	53,100	11.1%	Tăng tỷ trọng
DPR	43,250	46,500	7.5%	Năm giữ
DRI	13,620	17,200	26.3%	Mua
EVF	13,800	14,400	4.3%	Năm giữ
FRT	170,900	157,600	-7.8%	Giảm tỷ trọng
GMD	81,400	77,000	-5.4%	Giảm tỷ trọng
HAH	61,400	67,600	10.1%	Tăng tỷ trọng
HDG	27,600	34,500	25.0%	Mua
HHV	12,500	12,300	-1.6%	Giảm tỷ trọng
HPG	29,400	34,300	16.7%	Tăng tỷ trọng
IMP	53,900	55,000	2.0%	Năm giữ
KDH	28,000	38,800	38.6%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MSH	38,700	43,100	11.4%	Tăng tỷ trọng
MWG	93,600	99,600	6.4%	Năm giữ
NLG	28,350	39,900	40.7%	Mua
NT2	27,600	27,700	0.4%	Năm giữ
PHR	63,700	72,800	14.3%	Tăng tỷ trọng
PNJ	120,000	113,300	-5.6%	Giảm tỷ trọng
PVS	46,300	39,900	-13.8%	Bán
PVT	22,500	18,900	-16.0%	Bán
SAB	49,100	57,900	17.9%	Tăng tỷ trọng
SSI	32,400	39,200	21.0%	Mua
TLG	54,400	53,400	-1.8%	Giảm tỷ trọng
TCB	36,450	35,650	-2.2%	Giảm tỷ trọng
TCM	26,500	37,900	43.0%	Mua
TRC	77,500	94,800	22.3%	Mua
VCB	65,400	84,200	28.7%	Mua
VPB	28,900	37,000	28.0%	Mua
VCG	19,300	26,200	35.8%	Mua
VHC	62,600	60,000	-4.2%	Giảm tỷ trọng
VNM	70,600	66,650	-5.6%	Giảm tỷ trọng
VSC	25,100	17,900	-28.7%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

- 02/02 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 05/02 EU – ECB họp và quyết định lãi suất
Anh – BOE họp và quyết định lãi suất
- 06/02 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô
- 09/02 Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 10/02 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 11/02 Mỹ – Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
Việt Nam – MSSI công bố danh mục
- 13/02 Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
- 16/02 Nhật Bản – Tăng trưởng GDP ước tính
- 19/02 Mỹ - Biên bản họp FOMC
- 20/02 Mỹ - PCE lõi, Ước tính GDP lần đầu
- 24/02 Trung quốc – Lãi suất cho vay cơ bản
- 27/02 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)

Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 79: Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết số 29 ngày 24/2 Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 79 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước. Đặt trọng tâm là tháo gỡ điểm nghẽn thể chế, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản nhà nước, đồng thời xây dựng cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm.

Mỹ cảnh báo sẽ tăng thuế nhập khẩu bổ sung lên 15% hoặc cao hơn với một số nước: Ngày 25/2, Đại diện Thương mại Mỹ Jamieson Greer tuyên bố rằng mức thuế nhập khẩu bổ sung của Mỹ đối với hàng hóa từ một số nước có thể tăng từ mức 10% hiện tại lên 15% hoặc cao hơn. Tuy nhiên, ông Greer không nêu cụ thể nước nào sẽ bị ảnh hưởng cũng như chi tiết áp thuế.

Lực lượng Tuần duyên Cuba chạm trán tàu Mỹ: Bộ Nội vụ Cuba thông báo lực lượng tuần duyên đã chạm trán với tàu "bất hợp pháp" của Mỹ, cách đảo Cayo Falcones ngoài khơi bờ biển phía bắc Cuba khoảng 1 hải lý. Kết quả cuộc đụng độ có 4 người bị bắn chết và làm bị thương 6 người.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

VHC - Doanh thu cá tra của Vĩnh Hoàn tăng 22% ngay tháng đầu năm: Theo dữ liệu kinh doanh mới công bố, CTCP Vĩnh Hoàn ghi nhận doanh thu tháng 1 đạt 958 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước. Với kết quả này, doanh nghiệp đã chấm dứt chuỗi 5 tháng suy giảm liên tiếp kéo dài từ tháng 8 đến hết tháng 12/2025. Xét theo thị trường, phần lớn các khu vực xuất khẩu đều ghi nhận tăng trưởng. Doanh thu từ Trung Quốc tăng 27% và tại Mỹ tăng 25%. Về cơ cấu sản phẩm, cá tra – mặt hàng chủ lực của doanh nghiệp – tăng 22% so với cùng kỳ, mang về 524 tỷ đồng.

PGV - Doanh thu sản xuất điện tháng 1 của EVNGENCO3 tăng hơn 9.5%: Tháng 1/2026, Tổng công ty Phát điện 3 đạt sản lượng điện 2.372 tỷ kWh, tăng 16.29% so với cùng kỳ năm 2025 và hoàn thành 7.45% kế hoạch năm. Trong đó, riêng Công ty mẹ đóng góp gần 2 tỷ kWh, tăng 14.27%. Nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ đóng góp sản lượng cao nhất và cũng dẫn dắt tăng trưởng doanh thu, với 1,255 tỷ đồng, tăng 42.52%. Nhờ đó, doanh thu sản xuất điện của Công ty mẹ EVNGENCO3 đạt 3,267 tỷ đồng, tăng 9.51% so với cùng kỳ năm trước.

Một công ty bán gạo chuẩn bị niêm yết trên HOSE: Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE) thông báo đã tiếp nhận hồ sơ đăng ký niêm yết của CTCP Lương thực A An vào ngày 12/2. Theo hồ sơ, doanh nghiệp đăng ký niêm yết 65 triệu cổ phiếu với mã chứng khoán AAN, tương ứng vốn điều lệ 650 tỷ đồng.

NVL - Công ty con của Novaland mua lại gần 1,000 tỷ đồng trái phiếu: Ngày 12/2/2026, Nova Final Solution đã mua lại 997.2 tỷ đồng trái phiếu của mã NOVA Final Solution.Bond.2019. Tính đến cuối năm 2025, Nova Final Solution là công ty con do CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland) sở hữu 99.98%.

VIX - Chứng khoán VIX phát hành thêm gần 1 tỷ cổ phiếu: Ngày 9/3 tới đây, CTCP Chứng khoán VIX sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu. Theo đó, Công ty dự kiến phát hành 918.86 triệu đơn vị với tỷ lệ 10:6, với giá 12,000 đồng/CP.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415